

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST.

Ngày: 13-01-2023.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đường Thanh Chánh.

+ Ông Đoàn Văn Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kiều C - Sinh năm: 1977, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Bé H - Sinh năm: 1967, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn R - Sinh năm: 1964; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Kiều C trình bày:

Bà C có tham gia một phần hui trong dây hui 2.000.000VNĐ (hai triệu đồng), gồm 21 (hai mươi một) phần, mở hui ngày 20 tháng 8 âm lịch năm 2018 do

bà Bé H làm chủ hộ. Bà C đã giao tiền hộ cho bà Bé H với tổng số tiền là 30.320.000VNĐ (ba mươi triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Ngày 28 tháng 01 âm lịch năm 2020 thì bà Bé H vỡ hộ.

Ngày 30 tháng 4 dương lịch năm 2020 bà Bé H có trả cho bà C là 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng), còn nợ lại 25.320.000VNĐ (hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Bà C yêu cầu bà Bé H và ông R có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hộ còn thiếu là 25.320.000VNĐ (hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại bản tự khai và trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn là bà Lê Thị Bé H trình bày như sau:

Bà có nhận tiền hộ của bà C là hai mươi tháng với số tiền là 30.000.000VNĐ (ba mươi triệu đồng). Sau khi vỡ hộ thì bà đã trả cho bà C hai lần, lần thứ nhất trả 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng), lần thứ hai trả 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng), nhưng bà không nhớ cụ thể thời gian trả, việc trả tiền cũng không có làm giấy tờ gì.

Hiện nay bà chỉ còn thiếu lại bà C số tiền hộ là 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng) nên bà chỉ đồng ý trả cho bà C 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng) và yêu cầu được trả dần với mức là 500.000VNĐ/tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn R vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của ông về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kiều C rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 320.000VNĐ (ba trăm hai mươi ngàn đồng). Bà C chỉ yêu cầu bà Bé H và ông R có nghĩa vụ liên đới trả 25.000.000VNĐ (hai mươi lăm triệu đồng) tiền hộ.

Bà Bé H, ông R vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà Bé H và ông R có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền hộ còn

thiếu là 25.000.000VNĐ (hai mươi lăm triệu đồng), ghi nhận việc bà C không yêu cầu trả tiền lãi; đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà C đối với số tiền là 320.000VNĐ (ba trăm hai mươi ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Kiều C có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về việc góp hui đối với bị đơn là bà Lê Thị Bé H có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn R được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 01 tháng 11 năm 2022; đồng thời ngày 01 tháng 11 năm 2022 bà C có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Bé H, ông R vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Bé H, ông R là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà C trình bày là bà có giao cho bà Bé H tổng số tiền hui là 30.320.000VNĐ (ba mươi triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng) nhưng bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Trong khi đó, bà Bé H chỉ thừa nhận là có nhận của bà C 30.000.000VNĐ (ba mươi triệu đồng) tiền hui, sự thừa nhận này của bà Bé H là hoàn toàn tự nguyện nên có căn cứ để xác định được là bà Bé H có nhận của bà C 30.000.000VNĐ (ba mươi triệu đồng) tiền hui.

[4] Bà Bé H cho rằng bà đã trả cho bà C 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng), trả tiền làm hai lần, lần thứ nhất trả 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng), lần thứ hai trả 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng), nhưng bà không nhớ cụ thể thời gian trả, việc trả tiền cũng không có làm giấy tờ gì. Tuy nhiên, bà C không đồng ý với lời trình bày này của bà Bé H mà chỉ thừa nhận là có nhận của bà Bé H 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng). Bà Bé H không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh được là bà đã giao cho bà C 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng), bà C cũng không thừa nhận là có nhận của bà Bé H 15.000.000VNĐ (mười lăm triệu đồng) nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày này của bà Bé H. Bà C thừa nhận là có nhận của bà Bé H 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng), sự thừa nhận này của bà C là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định được là bà Bé H có trả cho bà C 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng) tiền hui và còn nợ lại bà C là 25.000.000VNĐ (hai mươi lăm triệu đồng).

[5] Đây là khoảng nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Bé H và ông R, bà Bé H cũng trình bày là bà làm hui để sinh sống, trang trải cuộc sống của gia đình, căn cứ vào Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình xác định đây là khoảng nợ chung của bà Bé H và ông R nên bà Bé H, ông R cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C 25.000.000VNĐ (hai mươi lăm triệu đồng) tiền hui.

[6] Bà Bé H có yêu cầu được trả nợ theo phương thức là trả hàng tháng với mức là 500.000VNĐ/tháng nhưng bà C không đồng ý, trong khi đó bà Bé H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho thấy giữa hai bên có thỏa thuận là bà được trả nợ dần hàng tháng với mức 500.000VNĐ/tháng hay được trả nhiều lần nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của bà Bé H.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm bà C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 320.000VNĐ (ba trăm hai mươi ngàn đồng), việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của bà C là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu mà bà C đã rút yêu cầu khởi kiện.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của bà C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bé H, ông R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho bà C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 217, 219, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kiều C về việc yêu cầu bà Lê Thị Bé H và ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui là 320.000VNĐ (ba trăm hai mươi ngàn đồng).

2/ Buộc bà Lê Thị Bé H và ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Kiều C số tiền hui là 25.000.000VNĐ (hai mươi lăm triệu đồng), ghi nhận việc bà C không yêu cầu trả tiền lãi.

3/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Kiều C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 633.000VNĐ (sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007790 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3.2) Buộc bà Lê Thị Bé H và ông Nguyễn Văn R có nghĩa vụ liên đới nộp 1.250.000VNĐ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên